

# PHỤC HÌNH DÁN CEMENT TRÊN ABUTMENT VẶN ỐC

Photo credit : Dr J.R. SERCKI (France - 74)

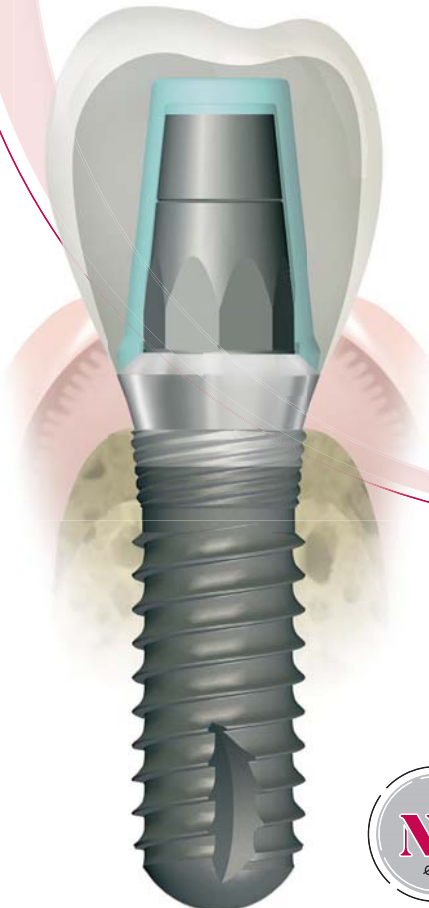


Photo credit : Dr B. GUILLAUME (France - 75)



## SỬ DỤNG ABUTMENT PALLADIUM VÀNG

Tính chất hóa học :

Gold (Au)	58,25 +/- 1 %
Platine (Pt)	21,90 +/- 1 %
Palladium (Pd)	19,41 +/- 1 %
Irridium (Ir)	0,44 +0,5%/-0 %

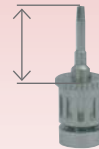
Độ cứng (HV) > 160  
Đông đặc - Nóng chảy: 1400 - 1490 ° C  
Khối lượng riêng: 17.5 g / cm<sup>3</sup>  
Độ co giãn : 12,4 μm / m°K

## SỬ DỤNG ABUTMENT TITANIUM

- 1 Lấy ốc lành thương ra, thực hiện lấy dấu bằng impression coping pickup. Sau khi lấy dấu, tháo ốc trên impression coping trước khi lấy khay ra khỏi miệng. Kiểm tra sự khít sát của impression coping đến khi con ốc chìm sâu vào impression coping.
- 2 Gắn analog vào impression coping để đổ mẫu thạch cao.

Sử dụng Khóa vặn ốc kết nối lực giác.

3 độ dài :  
8 mm, 12 mm and 20 mm



### ! CHÚ Ý

Sử dụng khóa vặn ốc lực giác dài cho abutment có thể mài chỉnh.

### CÁC BƯỚC TRONG LABO

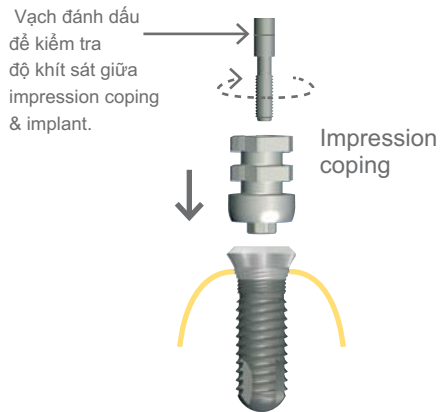
- 3 Lựa chọn abutment (thẳng hoặc nghiêng) hình dáng có thể điều chỉnh khi cần thiết.
- 4 Gắn nắp nóng chảy lên abutment trên mẫu thạch cao để làm sáp.
- 5 Đúc sườn và hoàn tất.
- 6 Siết abutment titanium vào implant trong miệng bệnh nhân với lực 35N.cm.
- 7 Dán phục hình lên abutment.

### ! CHÚ Ý

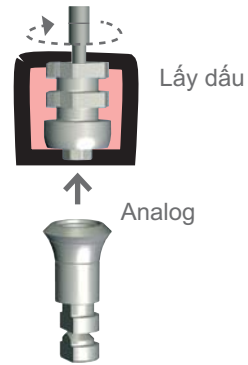
Không nên sử dụng lại con ốc Labo khi gắn phục hình vào implant để đảm bảo tính đàn hồi. Nên sử dụng con ốc mới để gắn phục hình vào miệng bệnh nhân.

QUI TRÌNH ĐƠN GIẢN VÀ CHÍNH XÁC

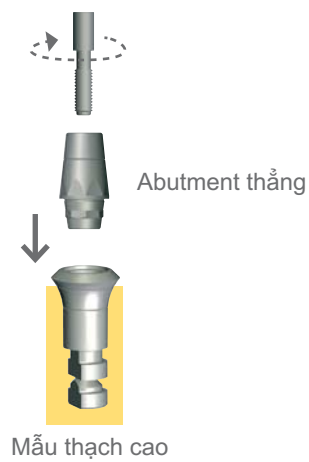
1 GẮN IMPRESSION COPING



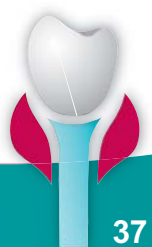
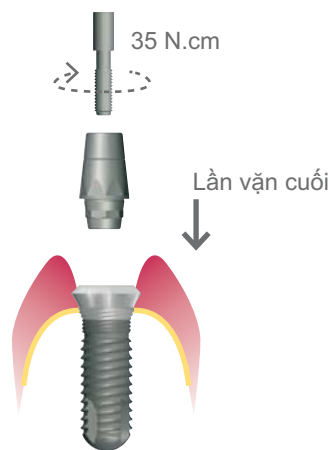
2 GẮN ANALOG



3 TRÊN MẪU THẠCH CAO



4 TRONG MIỆNG



# PHỤC HÌNH DÁN CEMENT TRÊN ABUTMENT VẠN ỐC WIDE PLATFORM



LẤY DẤU

## ● Impression coping pick-up



Mới

- Đóng gói kèm con ốc M2 bằng titanium TA6V (MS: APV VT 20 154).
- Con ốc được siết bằng tay (MS: CCL HE 12 22) hoặc bằng máy (MS: CMA HE 12 26).

## ● Impression coping Pop in

Mới

- Đóng gói kèm con ốc trên implant.
- Có màu vàng thẩm mỹ được dùng như 1 abutment tạm. Trong trường hợp này, sử dụng con ốc (ngắn hơn).
- Được đóng gói kèm với con ốc dài MS: APS VG 20 140.



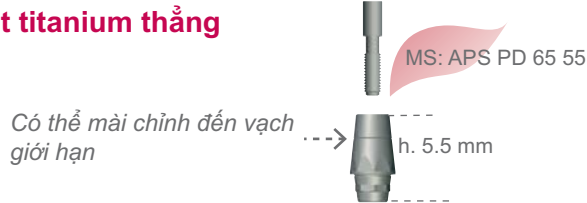
## ● Implant analog

Có thể điều chỉnh đến vạch giới hạn



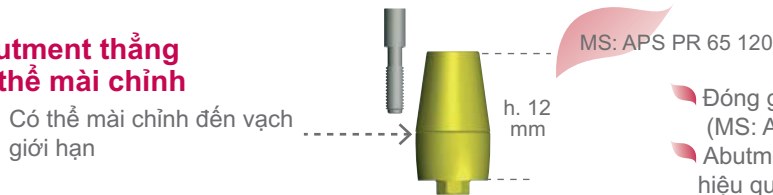
LỰA CHỌN ABUTMENT

## ● Abutment titanium thẳng



- Đóng gói kèm con ốc M2 bằng titanium TA6V (MS: APS VF 20 112).
- Con ốc được siết bằng tay (MS: CCL HE 12 22) hoặc bằng máy (MS: CMA HE 12 26).

## ● Abutment thẳng có thể mài chỉnh



- Đóng gói kèm con ốc M2 bằng titanium TA6V (MS: APS VF 20 112).
- Abutment được phủ titanium nitride để tạo hiệu quả thẩm mỹ tại vùng nướu.
- Được siết bằng khóa vạn lực giác dài (MS: CCL HE 12 30).

## ● Abutment palladium vàng



## ● Abutment titanium nghiêng 15°



- Đóng gói kèm con ốc M2 bằng titanium TA6V (MS: APS VF 20 112).
- Con ốc được siết bằng tay (MS: CCL HE 12 22) hoặc bằng máy (MS: CMA HE 12 26).

## ● Abutment titanium nghiêng 20°

MS: APS PA 65 20



## ● Nắp chụp nóng chảy

DÙNG CHO LABO

### ● Dùng cho abutment thẳng

Chống xoay

MS: APS CCO 65 55



Phục hình 1 đơn vị trên abutment titanium thẳng.

Thông thường

MS: APS CCC 65 55



Phục hình nhiều đơn vị trên abutment titanium thẳng.

### ● Dùng cho abutment nghiêng 15° - 20°

MS: APS CA 65 70



PHỤC HÌNH DÁN CEMENT TRÊN ABUTMENT VẠN ỐC REGULAR PLATFORM



● Impression coping pick-up

Vạch đánh dấu để kiểm tra độ khít sát giữa impression coping & implant

MS: APE T48

Rãnh lưu giữ

**Mới**

● Impression coping Pop in

- Đóng gói kèm con ốc trên implant.
- Có màu vàng thẩm mỹ được dùng như 1 abutment tạm. trong trường hợp này, sử dụng con ốc (ngắn hơn).
- Được đóng gói kèm với con ốc dài MS: APS VG 20 140.

**Mới**

MS: API 48 85

- Đóng gói kèm con ốc M2 bằng titanium TA6V (MS: APV VT 20 154).
- Con ốc được siết bằng tay (MS: CCL HE 12 22) hoặc bằng máy (MS: CMA HE 12 26).

● Implant analog

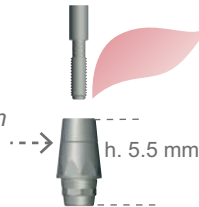
Có thể điều chỉnh đến vạch giới hạn

MS: ALA H48

LẤY DẤU

● Abutment titanium thẳng

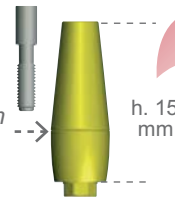
Có thể mài chỉnh đến vạch giới hạn



- Đóng gói kèm con ốc M2 bằng titanium TA6V (MS: APS VF 20 112).
- Con ốc được siết bằng tay (MS: CCL HE 12 22) hoặc bằng máy (MS: CMA HE 12 26).

● Abutment thẳng có thể mài chỉnh

Có thể mài chỉnh đến vạch giới hạn



MS: APS PR 48 150

- Đóng gói kèm con ốc M2 bằng titanium TA6V (MS: APS VF 20 112).
- Abutment được phủ titanium nitride để tạo hiệu quả thẩm mỹ tại vùng nướu.
- Được siết bằng khóa vạn lực giác dài (MS: CCL HE 12 30).

● Abutment palladium vàng



MS: APS PS 48 100

● Abutment titanium nghiêng 15°



- Đóng gói kèm con ốc M2 bằng titanium TA6V (MS: APS VF 20 112).
- Con ốc được siết bằng tay (MS: CCL HE 12 22) hoặc bằng máy (MS: CMA HE 12 26).

● Abutment titanium nghiêng 20°

MS: APS PA 48 20



LỰA CHỌN ABUTMENT

● Nắp chụp nóng chảy

Dùng cho abutment thẳng

Chống xoay

MS: APS CCO 48 55



Phục hình 1 đơn vị trên abutment titanium thẳng.

Thông thường

MS: APS CCC 48 55



Phục hình nhiều đơn vị trên abutment titanium thẳng.

Dùng cho abutment nghiêng 15° - 20°

MS: APS CA 48 50



DÙNG CHO LABO

# PHỤC HÌNH DÁN CEMENT TRÊN ABUTMENT VẠNG ỐC NARROW PLATFORM



LẤY DẤU

## ● Pick-up impression coping



Vạch đánh dấu để kiểm tra độ khít sát giữa impression coping & implant

MS: APE T42

Mới

Rãnh lưu giữ ---->

- Đóng gói kèm con ốc M2 bằng titanium TA6V (MS: APV VT 20 154).
- Con ốc được siết bằng tay (MS: CCL HE 12 22).

## ● Impression coping Pop in

Mới

- Đóng gói kèm con ốc trên implant.
- Có màu vàng thẩm mỹ được dùng như 1 abutment tạm. trong trường hợp này, sử dụng con ốc (ngắn hơn).
- Được đóng gói kèm với con ốc dài MS: APS VG 20 140.



MS: API 42 85

## ● Implant analog



MS: ALA H42

Có thể điều chỉnh đến vạch giới hạn

## ● Abutment titanium thẳng



MS: APS PD 48 55

Có thể mài chỉnh đến vạch giới hạn

h. 5.5 mm

- Đóng gói kèm con ốc M2 bằng titanium TA6V (MS: APS VF 20 112).
- Con ốc được siết bằng tay (MS: CCL HE 12 22) hoặc bằng máy (MS: CMA HE 12 26).

## ● Abutment thẳng có thể mài chỉnh



MS: APS PR 42 100

Có thể mài chỉnh đến vạch giới hạn

h. 10 mm

- Đóng gói kèm con ốc M2 bằng titanium TA6V (MS: APS VF 20 112).
- Abutment được phủ titanium nitride để tạo hiệu quả thẩm mỹ tại vùng nướu.
- Được siết bằng khóa vặn lực góc dài (MS: CCL HE 12 30).

## ● Abutment palladium vàng



MS: APS PS 48 100

## ● Abutment titanium nghiêng 15°



h. 6.45 mm

MS: APS PA 48 15

## ● Abutment titanium nghiêng 20°

MS: APS PA 48 20



h. 6.45 mm

- Đóng gói kèm con ốc M2 bằng titanium TA6V (MS: APS VF 20 112).
- Con ốc được siết bằng tay (MS: CCL HE 12 22) hoặc bằng máy (MS: CMA HE 12 26).

LỰA CHỌN ABUTMENT

## ● Nắp chụp nóng chảy

● Dùng cho abutment thẳng

● Dùng cho abutment nghiêng 15° - 20°

Chống xoay

Thông thường

MS: APS CCO 42 55

MS: APS CCC 42 55

MS: APS CA 42 47

Phục hình 1 đơn vị trên abutment titanium thẳng.

Phục hình nhiều đơn vị trên abutment titanium thẳng.

DÙNG CHO LABORATORY